TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **21**/2020/HNGĐ-ST
Ngày 17-4-2020
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Việt Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Hoàng Thám;

Ông Trần Trung Kiên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Mộng Chi, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện U, tỉnh Cà Mau.

Ngày 17 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 39/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2020 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đoàn Huyền T1, sinh ngày 08/5/1996 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Anh Đoàn Văn T2, sinh năm: 1991 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã K, huyện U, tỉnh C ..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 10 tháng 02 năm 2020, các lời trình bày trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đoàn Huyền T1 trình bày:

- Về hôn nhân: Năm 2014 được sự đồng ý của gia đình hai bên chị và anh Đoàn Văn T2 làm đám cưới và tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện U. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc và có một con chung nhưng thời gian gần đây vợ chồng thường xảy ra bất đồng ý kiến trong sinh hoạt hàng ngày. Anh T2 không lo làm ăn, không quan tâm đến cuộc sống gia đình, thường xuyên tham gia tệ nạn xã hội kiếm chuyện xúc phạm chị. Mâu thuẫn ngày càng gây gắt không thể hàn gắn được. Vợ chồng ly thân từ tháng 1/2019 đến nay. Xét thấy vợ chồng không còn tình

cảm, cuộc sống không còn hạnh phúc nên chị Đoàn Huyền T1 yêu cầu ly hôn với anh Đoàn Văn T2.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Đoàn Khánh B, sinh ngày 28/12/2015 hiện anh T2 đang nuôi. Khi ly hôn chị yêu cầu nuôi con yêu cầu anh T2 cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có không yêu cầu.

Tại biên bản hòa giải ngày 03/3/2020 bị đơn anh Đoàn Văn T2 trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân, thời gian chung sống có đăng ký kết hôn đúng như chị T1 trình bày. Về nguyên nhân mâu thuẫn chị T1 trình bày có phần đúng phần sai nhưng vợ chồng không thể tiếp tục chung sống do đó chị Đoàn Huyền T1 yêu cầu ly hôn anh đồng ý ly hôn với chị T1.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Đoàn Khánh B, sinh ngày 28/12/2015 hiện anh đang nuôi. Khi ly hôn anh yêu cầu nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng. Chị T1 yêu cầu nuôi con, yêu cầu anh cấp dưỡng anh không đồng ý giao con cho chị T1 nuôi và anh không đồng ý cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Không có. Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Đoàn Huyền T1 yêu cầu được ly hôn với anh Đoàn Văn T2 và yêu cầu nuôi con sau ly hôn, tranh chấp được xác định là tranh chấp hôn nhân gia đình về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con, thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện U, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Đoàn Văn T2 tham gia phiên tòa nhưng anh T2 vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh T2.

[2] Về nội dung: Quan hệ hôn nhân chị Đoàn Huyền T1 và anh Đoàn Văn T2 được xác lập trên cơ sở tự nguyện vào năm 2014, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau theo quy định nên quan hệ hôn nhân của chị T1 và anh T2 là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Quá trình chung sống, vợ chồng chị T1 và anh T2 xảy ra mâu thuẫn nhưng không hòa giải với nhau được. Tại phiên hòa giải, chị T1 và anh T2 thống nhất ly hôn, tại phiên tòa chị T1 vẫn giữ yêu cầu ly hôn. Cho thấy, quá trình chung sống vợ chồng anh T2, chị T1 có xảy ra mâu thuẫn, cả hai đều đồng ý ly hôn cho thấy cuộc sống vợ chồng không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt nên việc chị T1 và anh T2 thống nhất ly hôn là có căn cứ chấp nhận.

Về con chung: tên Đoàn Khánh B, sinh ngày 28/12/2015 hiện anh T2 đang nuôi. Con chung hiện trên 36 tháng tuổi, dưới 7 tuổi, chị T1 và anh T2 đều có nguyện vọng nuôi con sau ly hôn. Xét thấy, con chung do anh T2 nuôi sau khi

chị T1 và anh T2 không còn chung sống với nhau. Chị T1 yêu cầu nuôi con, tuy nhiên quá trình nuôi con của anh T2 chưa có căn cứ thể hiện anh T2 không đảm bảo việc nuôi con, vì để sự phát triển ổn định của con chung tránh sự xáo trộn tâm sinh lý cũng như môi trường sống ảnh hưởng đến con chung nên không chấp nhận yêu cầu của chị T1 về việc nuôi con. Giao con chung cho anh Đoàn Văn T2 tiếp tục nuôi dưỡng. Anh T2 không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét. Chị T1 có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Tài sản chung: Không có. Nợ chung: không có, không yêu cầu.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm không giá ngạch chị Đoàn Huyền T1 phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đoàn Huyền T1 được ly hôn với anh Đoàn Văn T2.

- Về con chung: Giao con chung tên Đoàn Khánh B, sinh ngày 28/12/2015 cho anh Đoàn Văn T2 tiếp tục nuôi dưỡng. Anh T2 không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét. Chị Đoàn Huyền T1 có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Không có. Nợ chung: Không có.

- Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch chị Đoàn Huyền T1 phải chịu 300.000 đồng, chị Đoàn Huyền T1 đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền số 0004826 ngày 10/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U, tỉnh Cà Mau được chuyển thu án phí.

- Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U;
- Chi cục THADS huyện U;
- Các đương sự;
- UBND nơi thực hiện đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Việt Hằng